

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 641/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2020

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Như Thủy

Bà Nguyễn Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 322/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Tô Thế B, sinh năm 1975; địa chỉ: đường G Tổ 24, Khu phố H, phường PT, Quận X, Thành phố H; (vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1978; địa chỉ: đường S, Tổ H, Khu phố B, phường T, Quận X, Thành phố H; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/8/2020 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nội dung vụ án xác định như sau:

Ông Tô Thế B và bà Lê Ngọc T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2006, tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 đến 06 năm. Từ năm 2012 bà T đi làm ăn xa đến năm 2017 mới quay về, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn trước trước khi bà T quay về. Theo ông B nguyên nhân

phát sinh mâu thuẫn là do hai bên có suy nghĩ và lối sống trái ngược nhau, không ai chịu nhượng bộ, những lần cãi vã ngày càng nhiều không còn khả năng hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Thế B yêu cầu được ly hôn với bà Lê Ngọc T.

Về con chung: Ông B và bà T có 01 (một) con chung là Tô Ngọc Mỹ A, sinh ngày 31/01/2007; hiện đang sống chung với gia đình ông B, sau khi ly hôn, nếu bà T nuôi con chung, ông B đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng hoặc ông B sẽ nuôi con không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông B xác định không có sản chung, nợ chung.

Bà Lê Ngọc T trình bày mâu thuẫn vợ chồng một phần do bản thân bà T chưa chu toàn trong việc quan tâm, chăm sóc gia đình, do hoàn cảnh gia đình bà T phải đi hợp tác lao động từ năm 2012 đến năm 2017, ông B ở nhà không chung thủy nên xảy ra mâu thuẫn đến nay không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nếu ly hôn bà T có nguyện vọng ông B hỗ trợ một khoản tiền để bà T trang trải, sắp xếp cuộc sống sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông B và bà T có 01 (một) con chung là Tô Ngọc Mỹ A, sinh ngày 31/01/2007; hiện đang sống chung với gia đình ông B, bà T yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà T không đồng ý giao con chung cho ông B nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa ông B làm đơn vắng mặt, trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà T trình bày ý kiến thống nhất giải quyết toàn bộ nội dung vụ án với ông B như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Thế B yêu cầu được ly hôn với bà Lê Ngọc T, bà T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Tô Thế B và Lê Ngọc T có 01 (một) con chung là Tô Ngọc Mỹ A, sinh ngày 31/01/2007; sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con chung và đồng ý ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi ly hôn, ông Tô Thế B hỗ trợ cho bà Lê Ngọc T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng những quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thống nhất được về việc giải quyết toàn bộ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Tô Thế B khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn bà Lê Ngọc T có nơi cư trú tại Quận 7 nên xác định là “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Tô Thế B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự: Ông Tô Thế B và bà Lê Ngọc T tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến nay không còn hàn gắn được, sống ly thân đã lâu. Ông Tô Thế B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục cuộc sống chung, nên khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Ngọc T. Tại phiên tòa bà Lê Ngọc T đồng ý ly hôn với ông B và thống nhất giải quyết toàn bộ nội vụ án, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận như sau:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Thế B yêu cầu ly hôn, bà Lê Ngọc T đồng ý ly hôn.

[5] Về con chung: Ông Tô Thế B và bà Lê Ngọc T có 01 (một) con chung là Tô Ngọc Mỹ A, sinh ngày 31/01/2007; sau khi ly hôn, bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Trong trường hợp ông B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà

nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[7] Ông B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tô Thế B và bà Lê Ngọc T xác định không có tài sản chung, nợ chung.

[9] Ông Tô Thế B hỗ trợ cho bà Lê Ngọc T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

[10] Về án phí: Ông Tô Thế B phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 ; Điểm a Khoản 1 Điều 35 ; Điểm a Khoản 1 Điều 39 ; Điều 147; Khoản 1, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Thế B được ly hôn với bà Lê Ngọc T (Giấy chứng nhận kết hôn số 113, Quyền số 01/2006 ngày 24/10/2006 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Về con chung: Ông Tô Thế B Giao và bà Lê Ngọc T có 01 (một) con chung là Tô Ngọc Mỹ A, sinh ngày 31/01/2007; sau khi ly hôn, giao cho bà Lê Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Tô Ngọc Mỹ Anh. Ông Tô Thế B cấp dưỡng nuôi con con mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày thi hành từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Tô Thế B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng

nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Ông Tô Thế B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tô Thế B về việc hỗ trợ cho bà Lê Ngọc T số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Thi hành một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5. Án phí sơ thẩm: Ông Tô Thế B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình về tranh chấp ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2018/0032894 ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Ông Tô Thế B chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

7. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM ;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Phơ